



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

Corporate Criminal Liability under the United States Criminal Law

Trinh Quoc Toan*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 29th September 2025

Revised 15th November 2025; Accepted 20th December 2025

Abstract: This article examines and analyzes the issue of corporate criminal liability under the United States criminal law from the following perspectives: 1) the historical formation and development of the doctrine; 2) the scope and conditions for attributing criminal liability to corporations, including: the subjects bearing such liability; which specific acts of corporate members may be attributed to the corporation; the circumstances under which a member's criminal act may be imputed to the corporation; and the major doctrines governing corporate criminal liability in the United States; 3) the sanctions applicable to corporations convicted of crimes.

Keywords: Corporate criminal liability; U.S. criminal law; attribution; doctrines; sanctions.

* Corresponding author.

E-mail address: toantrinhhdhg@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4816>

Trách nhiệm hình sự của pháp nhân theo Luật Hình sự Hoa Kỳ

Trịnh Quốc Toàn *

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 29 tháng 9 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 11 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 12 năm 2025

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu, phân tích vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong Luật Hình sự Hoa Kỳ ở những phương diện: 1) Lịch sử hình thành và phát triển; 2) Phạm vi và điều kiện quy kết trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân, bao gồm: Chủ thể chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân; Hành vi phạm tội của thành viên cụ thể nào của pháp nhân bị quy kết cho pháp nhân; Hành vi phạm tội của thành viên của pháp nhân được thực hiện dưới những điều kiện nào thì bị quy kết cho pháp nhân; Các học thuyết về trách nhiệm hình sự của pháp nhân được áp dụng ở Hoa Kỳ; 3) Các hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội.

Từ khóa: Trách nhiệm hình sự pháp nhân, pháp luật hình sự Hoa Kỳ, quy kết trách nhiệm, các học thuyết, chế tài hình sự.

1. Mở đầu

Trách nhiệm hình sự (TNHS) của pháp nhân là một chủ đề đã và đang gây nhiều tranh luận sôi nổi trong giới khoa học luật hình sự (LHS) hàng trăm năm qua. Nhiều hội nghị quốc tế, công trình nghiên cứu, bài viết và bình luận đã đề cập đến vấn đề này, và trở thành nền tảng cho các cuộc đối đầu học thuật giữa những người ủng hộ và phản đối, nhưng xu hướng hiện nay đang nghiêng về ủng hộ dạng trách nhiệm pháp lý này mà nguồn gốc của nó bắt nguồn từ các quốc gia thông luật, đáng chú ý nhất là ở Hoa Kỳ, nơi các pháp nhân cũng như cá nhân đều có thể bị truy cứu TNHS đối với các hành vi sai trái theo cả luật liên bang và luật các bang. Ngày nay, TNHS của pháp nhân là đặc điểm chủ yếu của hệ thống tư pháp hình sự Hoa Kỳ.

Ở Việt Nam, TNHS của pháp nhân được thiết lập trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025). Chế định TNHS của pháp nhân trong Bộ luật Hình sự (BLHS) này đã có

hiệu lực thi hành gần bảy năm, nhưng trong thực tiễn những vụ án hình sự liên quan đến pháp nhân phạm tội được đưa ra truy tố, xét xử rất ít, không quá 10 vụ, trong khi tình hình tội phạm do pháp nhân thực hiện có xu hướng gia tăng, gây hậu quả ngày càng nghiêm trọng trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế-xã hội. Nguyên nhân của hiện tượng trên là do công tác xây dựng và thi hành pháp luật hình sự còn nhiều hạn chế, bất cập. Chất lượng pháp luật chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Còn có những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, chưa rõ ràng, cản trở việc thực thi; Tổ chức thực thi pháp luật hình sự vẫn là khâu yếu; thiếu cơ chế phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả.

Đứng trước yêu cầu bức thiết đổi mới các mặt của đất nước hiện nay và cũng là để góp phần thực hiện các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Bộ Chính trị [1]; Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị [2] cần phải nghiên cứu để tiếp tục sửa đổi, bổ sung BLHS hiện hành, tăng

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: toantrinhdqh@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4816>

cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động áp dụng và thi hành LHS trong thực tiễn với tinh thần: “*Công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là một nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng*” [3]. Đồng thời, bên cạnh đó cũng cần nghiên cứu tiếp thu kinh nghiệm lập pháp và thực tiễn áp dụng LHS, trong đó có chế định TNHS của pháp nhân ở các nước có nền tư pháp hình sự tiên tiến và thực dụng như Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Bài viết này tập trung nghiên cứu vấn đề TNHS của pháp nhân trong LHS Hoa Kỳ, về các phương diện: Lịch sử; Phạm vi và điều kiện quy kết TNHS cho pháp nhân; Hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội.

2. Khái quát lịch sử

Lịch sử hình thành và phát triển của hình thức pháp nhân tại Hoa Kỳ nhìn chung đã theo một khuôn mẫu tương tự như ở Anh. Những pháp nhân đầu tiên tại quốc gia này là các thị trấn, quận, và thành phố [4]. Đến đầu thế kỷ XVIII, các pháp nhân kinh doanh tư nhân bắt đầu xuất hiện ngày càng nhiều, nhưng vẫn ở giai đoạn sơ khai, và nhìn chung chúng không đáng kể trong suốt thời kỳ thuộc địa [5]. Nó được trao cho các chức năng công cộng gắn liền với lợi ích của một quốc gia đang phát triển, như các ngân hàng, công ty bảo hiểm, cùng với các công ty chuyên phát triển giao thông bằng kênh đào hoặc đường bộ thu phí, cung cấp nước và phòng cháy chữa cháy,... [6]. Trong giai đoạn lịch sử này, vấn đề trách nhiệm hình sự (TNHS) của pháp nhân không được chấp nhận trong thực tiễn xét xử của các tòa án cũng như trong luật thực định. Một pháp nhân không thể bị kết án về mặt hình sự, vì pháp nhân là một thực thể không đủ khả năng chịu trách nhiệm về mặt đạo đức để bị đưa vào phạm vi điều chỉnh của của hệ thống tư pháp hình sự [7].

Nhưng sang thế kỷ XIX, vấn đề TNHS của

pháp nhân đã từng bước được công nhận bởi Tòa án một số tiểu bang khi các pháp nhân trong xã hội Hoa Kỳ đã bắt đầu phát triển mạnh mẽ và khả năng gây hại của chúng cho xã hội trở nên đáng kể. Các Tòa án đã công bố các bản án hình sự đối với các thị trấn và đô thị [8], sau đó là đối với các pháp nhân thương mại vì gây phiền toái công cộng phát sinh từ hành vi bỏ bê không thực hiện một số nhiệm vụ hoặc duy trì những tiêu chuẩn do thông luật (common law) hoặc luật định quy định, ví dụ như: Gây phiền toái khi để lưu vực sông Hudson đầy bùn, rác và xác động vật chết và không loại bỏ những chướng ngại vật này khỏi lưu vực sông; Đường bộ bảo trì kém; Cầu không đường bảo trì hoặc không giảm mùi hôi thối ở lò mổ... [9].

TNHS của pháp nhân không chỉ chấp nhận bởi thông luật (Common Law), mà còn từ luật thành văn của cơ quan lập pháp các tiểu bang. Một đạo luật do tiểu bang Massachusetts thông qua năm 1804 (Đạo luật Đường thu phí chung - *The General Turnpike Act*) [10] quy định các công ty đường thu phí “*phải chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại có thể xảy ra cho bất kỳ cá nhân nào bị thu phí, do cầu bị hỏng hoặc do con đường thu phí không được sửa chữa; đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm bị truy tố bởi đại bồi thẩm đoàn nếu không giữ đường trong tình trạng tốt*”.

Trong những vụ án sớm nhất xem xét TNHS của pháp nhân, cũng như ở Anh, Tòa án các tiểu bang ở Hoa Kỳ có sự phân biệt giữa hành vi không thực hiện (nonfeasance) và hành vi thực hiện sai (misfeasance), và cho rằng pháp nhân chỉ có thể bị truy tố về hành vi không thực hiện nghĩa vụ (nonfeasance) [11]. Nhưng sau đó sự phân biệt giữa hành vi không thực hiện (nonfeasance) và thực hiện sai (misfeasance) đã bị loại bỏ trong vụ án *State v. Morris & Essex Railroad Co. (1852)* [12]. Phán quyết của Tòa án trong vụ án này đã mở rộng TNHS của pháp nhân từ *nonfeasance* sang *misfeasance*. Cuối cùng, trong vụ án *Commonwealth v. Proprietors of New Bedford Bridge, Massachusetts (1854)* [13] tòa án đã chính thức bác bỏ học thuyết phân biệt nonfeasance/misfeasance, khẳng định rằng pháp nhân có thể bị truy tố cả trong trường hợp

hành động sai trái lẫn không hành động.

Trong những năm nửa cuối thế kỷ XIX, các Tòa án đã theo sát những nhận định trong hai vụ án trên, và nhìn chung không mở rộng TNHS của pháp nhân đối với các tội đòi hỏi *mens rea* (tức là trạng thái tinh thần, nhận thức hoặc ý định chủ quan của chủ thể của tội phạm) vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội. TNHS của pháp nhân được giới hạn trong những tội phạm không yêu cầu yếu tố nhận thức hoặc ý định từ phía chủ thể hành động. Lý do áp dụng chế tài hình sự đối với pháp nhân trong các vụ gây phiền toái công cộng đơn giản là nhằm loại bỏ sự phiền toái; trong khi đối với các đạo luật quản lý, mục đích là ngăn ngừa thiệt hại cho công chúng, bất kể ý định chủ quan của chủ thể khi thực hiện hành vi vi phạm. Cũng trong những năm cuối thế kỷ XIX, Tòa án các bang đã áp dụng TNHS cho pháp nhân không chỉ đối với các tội khách quan (strict liability) mà còn cả các tội phạm đòi hỏi *mens rea*, ví dụ như tội âm mưu gian lận (conspiracy) [14], tội khinh thường Tòa án (contempt) [15].

Các vụ án xét xử các tội có ý định phạm tội (*mens rea*) nêu trên cùng với phán quyết trong vụ án *Lake Shore & Michigan Southern Ry. Co. v. Prentice* [16], là nền tảng cho vụ án nổi tiếng *United States v. New York Central & Hudson River R. Co. (1909)* [17] mà ở đó Tòa án Tối cao Liên bang khẳng định rõ ràng pháp nhân có thể bị truy cứu hình sự, đặt nền móng cho học thuyết “*respondeat superior*”¹. Lịch sử phát triển của TNHS pháp nhân trên bình diện Liên bang Hoa Kỳ đều bắt đầu từ vụ án này [18]. Trong vụ án *New York Central*, Tòa án tối cao liên bang không bận tâm đến sự hư cấu pháp lý rằng một thực thể không thể thực hiện hành động hình sự hoặc có ý định phạm tội, thay vào đó, Tòa án đã áp dụng học thuyết dân sự về “*respondeat superior*”, cho rằng một pháp nhân có thể bị kết án về tội phạm theo hiến pháp khi một trong những nhân viên hoặc đại lý của pháp nhân đã thực hiện hành vi phạm tội trong phạm vi thẩm quyền của mình và ít nhất là một phần, vì lợi ích

của pháp nhân.

Phán quyết trong vụ án *New York Central* là sự tuyên bố dứt khoát về tính hợp hiến của nguyên tắc TNHS của pháp nhân ở Hoa Kỳ, phản ánh một cách tiếp cận mang tính thực dụng đối với LHS, được cả Quốc hội và Tòa án Tối cao Liên bang vận dụng trong bối cảnh những biến đổi xã hội và kinh tế to lớn. Sự tập trung quyền lực kinh tế chưa từng có trong các tập đoàn và liên minh kinh doanh hình thành sau Nội chiến đã tạo ra nhu cầu ban hành những đạo luật mới, trong đó có các đạo luật hình sự nhằm đối phó hiệu quả với các tập đoàn ngày càng hùng mạnh. Trong giai đoạn trước và sau phán quyết trong vụ án *New York Central*, Quốc hội đã ban hành hàng nghìn đạo luật tạo ra TNHS của pháp nhân mới hoặc bổ sung. Các đạo luật nổi tiếng như: Đạo luật Chống độc quyền Sherman năm 1890 (Sherman Antitrust Act) [19], Đạo luật Elkins năm 1903 (Elkins Act) [20], Đạo luật Chứng khoán năm 1934 (the Securities Act of 1934) [21], Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (the Food, Drug, and Cosmetic Act) [22], và Đạo luật Thương mại Liên bang (the Interstate Commerce Act) [23]. Đó là một số trong những văn bản nổi tiếng và thường được áp dụng nhất, có quy định cụ thể về TNHS của pháp nhân. Bên cạnh đó Quốc hội đã ban hành hàng nghìn đạo luật khác. Những đạo luật này tuy không đề cập trực tiếp TNHS của pháp nhân, nhưng các công tố viên liên bang đã không gặp nhiều khó khăn khi mở rộng áp dụng cho hành vi của pháp nhân/công ty, ví dụ: Đạo luật về Tội gian lận qua bưu điện và các tội gian lận khác (Mail Fraud and other Fraud Offenses) [24], Đạo luật về các tổ chức bị ảnh hưởng bởi hoạt động tội phạm và tham nhũng (RICO) [25]

Nghiên cứu cho thấy, lịch sử phát triển TNHS của pháp nhân chịu ảnh hưởng đáng kể từ những diễn biến song song trong luật dân sự áp dụng cho pháp nhân. Trong giai đoạn đầu, không hiếm trường hợp các Tòa án Liên bang lý giải việc áp dụng TNHS của pháp nhân dựa trên nguyên tắc dân sự. Các nguyên tắc của luật bồi thường thiệt

¹ Đây là một học thuyết pháp lý quy định rằng người chủ (người sử dụng lao động) có thể phải chịu trách

nhiệm đối với các hành vi sai trái của nhân viên nếu những hành vi đó xảy ra trong phạm vi công việc.

hại (tort law principles) được Tòa án tối cao liên bang công nhận một cách rõ ràng trong vụ án *New York Central*.

Bên cạnh việc dựa trên nguyên tắc của luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, TNHS của pháp nhân được mở rộng còn dựa vào xu hướng lập pháp tạo ra loại tội phạm chịu TNHS tuyệt đối (absolute liability crimes), tức là loại tội phạm mới này là có thể bị trừng phạt mà không cần xét đến ý định phạm tội (guilty intent) của chủ thể thực hiện hành vi [26, 27], đó là loại tội phạm được gọi là tội phạm phúc lợi công cộng (public-welfare offense). Việc không yêu cầu yếu tố ý định phạm tội khiến loại tội phạm này về mặt khái niệm dễ áp dụng hơn đối với các pháp nhân. Sự xuất hiện của dạng trách nhiệm nghiêm ngặt đối với các “tội phạm phúc lợi công cộng” cùng với sự thay đổi trong quan niệm về ý chí phạm tội (mens rea) áp dụng cho các tội phạm hình sự truyền thống đã góp phần vào việc từng bước mở rộng phạm vi TNHS đối với các pháp nhân.

Động lực quan trọng nhất thúc đẩy việc củng cố nguyên tắc TNHS của pháp nhân đến từ Bộ luật Hình sự mẫu (Model Penal Code - MPC) của Viện Luật Hoa Kỳ (American Law Institute) năm 1962 [28]. Bộ luật này đã đưa ra ba nội dung chính cho TNHS của pháp nhân. Thứ nhất, xác định chuẩn mực của học thuyết “*respondeat superior*”; Thứ hai, quy định một pháp nhân có thể bị chịu TNHS “*nếu tội phạm cấu thành từ việc không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể mà pháp luật đã áp đặt cho pháp nhân*”; Thứ ba, quy định một pháp nhân có thể phải gánh chịu TNHS được xác định nếu “việc phạm tội được ủy quyền, yêu cầu, ra lệnh, thực hiện hoặc dung túng một cách cấu tạo bởi hội đồng quản trị hoặc bởi một người quản lý cấp cao hành động nhân danh pháp nhân trong phạm vi chức vụ hoặc công việc của mình” [29]. Theo thời gian, bộ quy tắc này đã được nhiều bang sao chép ở nhiều khía cạnh và được viện dẫn trong các phán quyết tư pháp.

Kết quả nghiên cứu chỉ rõ pháp luật Hoa Kỳ đã phát triển đủ mạnh vào nửa sau thế kỷ XX để có thể áp dụng TNHS đối với pháp nhân vì hành

vi phạm tội của nhân viên trong phạm vi công việc của họ. Tòa án đã tuyên bố các pháp nhân phải chịu TNHS ngay cả khi đạo luật liên quan không quy định rõ ràng về việc liệu TNHS có thể được áp dụng đối với pháp nhân do hành vi của nhân viên hay không. Cơ sở của lập luận này là bởi vì thuật ngữ người (person) hoặc bất kỳ ai (whoever) được định nghĩa một cách rộng rãi để bao gồm cả “các tập đoàn, công ty, hiệp hội, hãng, công ty hợp danh, hội đoàn, và công ty cổ phần, cũng như cá nhân”.

Một điều đáng chú ý là vào thập niên cuối thế kỷ XX, công tố viên đã gia tăng áp dụng thủ tục nhận tội (plea bargains), thỏa thuận hoãn truy tố (deferred prosecution agreements (DPAs), và thỏa thuận miễn truy tố (non-prosecution agreements (NPAs) để xử lý vi phạm của pháp nhân/công ty.

Truy cứu TNHS đối với pháp nhân trở nên phổ biến hơn trong thế kỷ XXI, nhất là sau vụ bê bối Enron (Enron Scandal) - một trong những vụ gian lận kế toán lớn nhất lịch sử Hoa Kỳ, thường được mô tả gắn liền với lòng tham của doanh nghiệp và sự thất bại của cơ chế kiểm soát [30] và hàng loạt bê bối doanh nghiệp bắt nguồn từ sự kiện này, Quốc hội và Ủy ban Tổ tụng Hoa Kỳ đã nhanh chóng ban hành các đạo luật và hướng dẫn mới, nghiêm ngặt nhằm ngăn chặn tội phạm kinh tế (white-collar crime) của cả cá nhân và pháp nhân. Bộ Tư pháp cũng tiến hành truy tố quyết liệt không chỉ các tội phạm do cá nhân thực hiện trong lĩnh vực kinh tế mà còn cả các pháp nhân, có sử dụng những công cụ pháp lý mới. Hàng loạt tập đoàn lớn (HSBC, Volkswagen, BP, Boeing,...) chịu phạt hàng tỷ USD vì gian lận, rửa tiền, vi phạm môi trường, và an toàn hàng không.

Trong những năm gần đây, việc xử lý vi phạm hình sự của pháp nhân, nhất là đối với các tập đoàn lớn, Bộ Tư pháp thiên về xu hướng áp dụng các chế tài dân sự và thỏa thuận dàn xếp pháp lý doanh nghiệp (Corporate settlements) mà hình thức phổ biến nhất là thỏa thuận *hoãn truy tố* (Deferred Prosecution Agreements - DPAs) và thỏa thuận *không truy tố* (Non-Prosecution

Agreements - NPAs), cùng với giám sát độc lập (*corporate monitorship*) thay vì truy tố hình sự trực tiếp, vì vậy trên thực tế, rất ít vụ án hình sự đối với pháp nhân đi đến giai đoạn xét xử và tuyên án [31].

3. Phạm vi và điều kiện áp dụng trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân

3.1. Những pháp nhân nào có thể là chủ thể chịu trách nhiệm hình sự?

Bước đầu tiên để xác định phạm vi áp dụng TNHS pháp nhân là phải làm rõ loại tổ chức/pháp nhân nào sẽ chịu sự điều chỉnh của LHS Hoa Kỳ.

Nghiên cứu cho thấy các đạo luật hình sự liên bang thường quy định áp dụng cho bất kỳ ai (*whoever*) hoặc bất kỳ người nào (*any person*) vi phạm lệnh cấm của Liên bang. Mặc dù, theo cách nói thông thường, từ “*person*” thường được dùng để chỉ tự nhiên nhân (*con người*), nhưng luật Liên bang và các tiểu bang sử dụng thuật ngữ này theo nghĩa rộng hơn [32]. Đạo luật Từ điển (*the Dictionary Act*) quy định rằng: “Khi xác định ý nghĩa của bất kỳ đạo luật nào của Nghị viện, trừ khi ngữ cảnh chỉ ra điều khác... các từ *người* (*person*) và *bất kỳ ai* (*whoever*) bao gồm cả tập đoàn, công ty, hiệp hội, hãng, công ty hợp danh, hội đoàn, và công ty cổ phần, cũng như cá nhân.” [33]. Các Tòa án đã sử dụng định nghĩa nêu trên của Đạo luật Từ điển để giải thích ý nghĩa của các từ “*người*” hoặc “*bất kỳ ai*” trong bối cảnh của một đạo luật hình sự cụ thể [34].

Thực tiễn pháp luật cho thấy một số đạo luật liên bang thường ghi nhận các định nghĩa riêng về các tổ chức với tính chất là chủ thể của tội phạm. Ví dụ khoản 3 Điều 1 (3) Bộ luật Hoa Kỳ 1961 về Tội tổng tiền quy định: “*người*” bao gồm bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào có khả năng nắm giữ quyền lợi hợp pháp hoặc có lợi đối với tài sản [35]; hoặc Bộ luật Thuế nội bộ tại Chương 79 Mục 7701 đưa ra định nghĩa: 1) *Người* (*person*) được hiểu bao gồm: cá nhân, quỹ tín thác (*trust*), di sản (*estate*), công ty hợp danh (*partnership*), hiệp hội (*association*), công ty

(*company*) hoặc tập đoàn (*corporation*); 2) “*công ty hợp danh*” bao gồm: Liên danh (*syndicate*), nhóm (*group*), quỹ chung (*pool*), liên doanh (*joint venture*), hoặc các tổ chức chưa hợp nhất khác (*unincorporated organization*), thông qua đó hoạt động kinh doanh, tài chính hoặc thương mại được tiến hành, và không được coi là tập đoàn, quỹ tín thác hay di sản theo nghĩa của Bộ luật này; 3) Tập đoàn (*Corporation*) bao gồm: Hiệp hội, công ty cổ phần (*joint-stock companies*), và công ty bảo hiểm [36].

Có đạo luật lại ghi nhận định nghĩa ngắn gọn, như trong đạo luật về tội phạm có tổ chức (*racketeering statute*): *Người* (*person*) bao gồm bất kỳ cá nhân hoặc pháp nhân nào có khả năng nắm giữ quyền lợi hợp pháp hoặc quyền lợi thụ hưởng trong tài sản [37]. Một số đạo luật khác lại đặc biệt chú ý đến các tổ chức chính phủ khi liệt kê những tổ chức bị quy kết là chủ thể của tội phạm. Ví dụ, theo quy định của Bộ luật Liên bang Hoa Kỳ về Quản lý chất thải rắn (*Solid Waste Disposal*) thì thuật ngữ *người* (*person*) được hiểu: Bao gồm cá nhân, quỹ tín thác (*trust*), công ty (*firm*), công ty cổ phần (*joint-stock company*), tập đoàn (*corporation*, kể cả công ty chính phủ), công ty hợp danh (*partnership*), hiệp hội (*association*), tiểu bang (*State*), đô thị (*municipality*), ủy ban, đơn vị cấp dưới của tiểu bang (*political subdivision*), hoặc bất kỳ tổ chức liên tiểu bang (*interstate body*) nào; và bao gồm cả mỗi bộ, cơ quan, và tổ chức của Chính phủ Hoa Kỳ [38].

Hơn nữa, định nghĩa và danh sách các thực thể là chủ thể của tội phạm được nêu rõ trong Hướng dẫn Tuyên án liên bang Hoa Kỳ (2005) (*U.S. Sentencing Guidelines Manual*), theo đó, tổ chức (*organisation*) có nghĩa là “một người không phải là cá nhân”. Thuật ngữ này bao gồm các tập đoàn, quan hệ đối tác, hiệp hội, công ty cổ phần, liên minh, quỹ tín thác, quỹ hưu trí, các tổ chức chưa hợp nhất, chính phủ và các đơn vị chính trị của chính phủ, và các tổ chức phi lợi nhuận [39].

Như vậy, chủ thể chịu TNHS của pháp nhân theo luật liên bang là rất rộng, bao gồm các tổ chức có tư cách pháp nhân và không có tư cách pháp nhân, các pháp nhân theo luật tư và pháp

nhân theo luật công (theo cách phân biệt của pháp luật châu Âu lục địa). Nhưng theo Bộ luật Hình sự mẫu [40] và LHS một số bang thì những pháp nhân được tổ chức bởi cơ quan nhà nước nhằm mục đích thực hiện hoạt động công quyền thì không phải chịu TNHS [41]. Tuy nhiên, Tòa án không loại trừ khả năng các cơ quan nhà nước có thể bị truy cứu TNHS. Dù chưa có trường hợp nào cơ quan công quyền bị xử lý hình sự, nhưng trách nhiệm hành chính của các cơ quan này đã được thừa nhận [42].

Hệ thống Hoa Kỳ trong việc xác định những thực thể có thể bị truy cứu TNHS có một số ưu điểm đáng kể. Việc liệt kê các tổ chức có thể bị TNHS có lẽ rõ ràng và tiết kiệm chi phí hơn; nó ngăn ngừa sự lãng phí không cần thiết về thời gian và tiền bạc của Tòa án khi xác định tổ chức nào có thể bị truy cứu TNHS. Đồng thời, mục tiêu công bằng chung được đáp ứng thông qua việc bao gồm cả những tổ chức không có tư cách pháp lý. Sự bao gồm này phản ánh thực tế rằng những tổ chức không có tư cách pháp lý vẫn có thể phạm tội và không nên thoát khỏi trách nhiệm chỉ vì một lý do kỹ thuật.

3.2. *Hành vi phạm tội của những cá nhân cụ thể nào của pháp nhân có thể quy kết cho pháp nhân?*

Vấn đề đặt ra là: Phạm vi những cá nhân nào có thể làm phát sinh TNHS cho pháp nhân, bằng hành vi nào, và với trạng thái tinh thần nào. Mặc dù pháp nhân là chủ thể pháp luật, nhưng hành động hoặc không hành động của một người vẫn là điều kiện cần thiết để truy cứu TNHS của pháp nhân.

Về mặt lý thuyết, TNHS của pháp nhân được xây dựng dựa trên cơ chế quy kết (imputation) hành vi và ý chí phạm tội (*mens rea*) của các thành viên pháp nhân cho chính pháp nhân đó. Vì vậy, yếu tố quyết định nhất của phạm vi TNHS pháp nhân chính là việc xác định cá nhân nào trong cơ cấu tổ chức của pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội có thể làm phát sinh TNHS cho pháp nhân.

Theo pháp luật Liên bang, hành vi của tất cả các thành viên của pháp nhân có thể làm phát sinh TNHS của pháp nhân đó, đó có thể là: i)

những người đề ra chính sách và điều hành pháp nhân, như hội đồng quản trị và các chức danh quản lý cấp cao ((corporate officers); ii) Những người có vai trò nhất định trong quá trình ra quyết định nhưng không trực tiếp hoạch định chính sách tổng thể, bao gồm các quản lý hoặc giám sát (supervisory/managerial personnel); iii) Những người thực hiện hoạt động kinh doanh hằng ngày và thi hành các chính sách do pháp nhân ban hành (lowest level).

Pháp nhân thường được đồng nhất rất chặt chẽ với các chức danh quản lý cấp cao (corporate officers) hoặc gọi cách khác là nhân sự cấp cao của pháp nhân (high-level personnel), đó là những cá nhân có quyền kiểm soát đáng kể đối với pháp nhân hoặc có vai trò đáng kể trong việc hoạch định chính sách của pháp nhân. Dù pháp nhân thuộc loại công ty tư nhân quy mô nhỏ (closely held) hay công ty cổ phần đại chúng (publicly held), vị trí và chức năng của quản lý cấp cao đều dẫn đến hệ quả: Nếu họ thực hiện hành vi phạm tội trong phạm vi công việc (scope of employment) thì pháp nhân chắc chắn sẽ phải chịu TNHS. Chính vì địa vị đặc biệt trong cơ cấu quản trị pháp nhân, TNHS của pháp nhân ở đây được coi là một dạng “trách nhiệm gốc (primary liability)”, tức là trách nhiệm được quy trực tiếp cho pháp nhân do hành vi phạm tội của những cá nhân thuộc nhóm quản lý cấp cao để được xem là cái tôi thứ hai (*alter ego*) của pháp nhân. Ở đây họ không hành động với tư cách cá nhân, mà với tư cách chủ tịch, giám đốc và đại diện của pháp nhân, trong phạm vi thẩm quyền thực tế và thẩm quyền hiển nhiên của mình. Hành vi phạm pháp của họ chỉ có thể thực hiện được nhờ thẩm quyền mà pháp nhân trao cho và gắn liền với hoạt động của pháp nhân.

Phạm vi TNHS của pháp nhân đã được mở rộng xuống cấp quản lý trung gian và cấp giám sát (managers và supervisors) trong cơ cấu tổ chức pháp nhân. Trong vụ *United States v. Armour & Co.* [43], công ty bị cáo buộc vi phạm các quy định cấm “tie-in sales” (hình thức bán kèm bắt buộc) theo Đạo luật Kiểm soát giá khẩn cấp năm 1942 (Emergency Price Control Act of 1942) [44]. Những vi phạm này phát sinh từ hành vi của các quản lý, phó quản lý và nhân viên bán

hàng của công ty. Tòa án khẳng định rằng: Công ty có thể bị truy cứu TNHS đối với hành vi phạm pháp của các cá nhân ở cấp quản lý trung gian này. Hay trong vụ án *C. I. T. Corp. v. United States*, Tòa Phúc thẩm liên bang Khu vực 9 đã cho rằng: Người quản lý văn phòng khu vực là đại diện được ủy quyền của công ty trong việc thực hiện các hoạt động cụ thể liên quan đến hành vi phạm pháp. Do đó, ông ta đã được trao quyền có thể tạo ra TNHS cho công ty (delegated the power to create corporate criminal responsibility) [45].

Phạm vi TNHS của pháp nhân còn mở rộng xuống cả các hành vi phạm tội của các nhân viên cấp dưới (Subordinate Employees) theo hai xu hướng. *Thứ nhất*, theo đa số án lệ, nhân viên cấp dưới thực hiện hành vi phạm tội trong bối cảnh được ủy quyền hoặc được cấp quản lý dung túng/bỏ qua (authorization or acquiescence) thì hành vi đó được quy kết cho pháp nhân. Tòa án thường hợp lý hóa việc quy kết TNHS cho pháp nhân khi xác định được hành vi của nhân viên cấp dưới có mối liên hệ rõ ràng với một thành viên trong nhóm quản lý cấp cao hoặc cấp trung gian (officers hoặc managers) của pháp nhân. Có án lệ còn phán quyết, nếu hành vi vi phạm của nhân viên cấp dưới được thực hiện liên tục, có hệ thống, thì có thể suy đoán rằng ban quản lý/giám sát đã biết và dung túng, từ đó quy trách nhiệm cho pháp nhân [46]; *Thứ hai*, một số án lệ còn đi xa hơn, tòa án chỉ cần xác định được nhân viên cấp dưới là người đại diện (agent) được giao phó một lĩnh vực công việc cụ thể, và trong khi thực hiện công việc đó, họ đã phạm tội, là có thể buộc pháp nhân phải chịu TNHS [47], chứ không cần chứng minh là ban quản lý/giám sát có biết hành vi phạm tội của nhân viên đó hay không [48]. Nguyên tắc chung hiện nay trong án lệ liên bang là theo xu hướng thứ hai này. Điều này đã được củng cố trong vụ án *C. I. T. Corp. v. United States*, trong đó Tòa án khẳng định: “*Điều quyết định là chức năng (function) mà công ty giao cho nhân viên/agent, chứ không phải vị trí của người đó trong hệ thống phân cấp (corporate hierarchy)*” [49] bất kể những nỗ lực mà ban lãnh đạo pháp nhân đã triển khai để ngăn chặn hành vi đó.

Một vấn đề khó khăn đặt ra trong xử lý TNHS của pháp nhân là việc quy kết lỗi của nhân viên cho pháp nhân. Vào thế kỷ XIX, pháp nhân chỉ bị quy TNHS với các tội không đòi hỏi yếu tố lỗi (strict liability/regulatory/public welfare offenses), nhưng từ đầu thế kỷ XX, TNHS của pháp nhân được mở rộng cho cả tội cần ý định phạm tội (mens rea), bao gồm cả những tội phạm đòi hỏi yếu tố cố ý đặc biệt (specific intent). Án lệ chấp nhận yếu tố ý chí (intent) của nhân viên cấp dưới có thể được quy kết trực tiếp cho pháp nhân [50].

Để một pháp nhân bị kết tội, nguyên tắc “*respondeat superior*” được xác định trong vụ *New York Central* vẫn được áp dụng. Theo đó, hai điều kiện phải có để một pháp nhân phải chịu TNHS đối với hành vi phạm tội của một nhân viên hoặc đại lý: *Thứ nhất*, nhân viên hoặc đại lý phải thực hiện hành vi phạm tội trong phạm vi thẩm quyền hoặc phạm vi công việc của mình với pháp nhân; *Thứ hai*, nhân viên hoặc đại lý phải hành động với mục đích, ít nhất là một phần, để mang lại lợi ích cho pháp nhân.

Điều kiện 1: Nhân viên hoặc đại lý phải thực hiện hành vi phạm tội trong phạm vi thẩm quyền hoặc phạm vi công việc của mình với pháp nhân

Thuật ngữ “*phạm vi thẩm quyền*” thường được đáp ứng khi nhân viên hoặc đại lý có thẩm quyền thực tế hoặc rõ ràng để tham gia vào loại hành vi phạm tội dẫn đến TNHS. Thẩm quyền thực tế, còn được gọi là thẩm quyền rõ ràng, phát sinh khi một pháp nhân, thông qua lời nói hoặc hành động của mình, khiến nhân viên hoặc đại lý của mình tin tưởng một cách hợp lý rằng họ có thể hành động thay mặt cho pháp nhân [51]. Tương tự như vậy, thuật ngữ “*phạm vi công việc*” được hiểu là các hành vi được thực hiện thay mặt cho pháp nhân trong quá trình thực hiện công việc chung của đại lý [52]. Trong vụ *United States v. Cincotta (1982)* Tòa phúc thẩm Liên bang khu vực thứ Nhất phán quyết rằng “*trong phạm vi công việc*” có nghĩa là người đại diện đã “*thực hiện những hành vi thuộc loại mà anh ta được phép thực hiện*” [53].

Trong thực tiễn, Tòa án thường xem xét một nhân viên hoặc đại lý có hành động trong phạm

vi phạm quyền hoặc phạm vi tuyển dụng không để quy kết hành vi cá nhân cho một pháp nhân miễn là người đó đang thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công việc hoặc hành động thuộc loại mà người đó được ủy quyền thực hiện, bất kể pháp nhân có chính sách và thủ tục rõ ràng để ngăn chặn và răn đe hành vi vi phạm [54].

Điều kiện 2: Nhân viên hoặc đại lý phải hành động với mục đích, ít nhất là một phần, để mang lại lợi ích cho pháp nhân.

Để đáp ứng được điều kiện vì lợi ích của pháp nhân, nhân viên phải có động lực ít nhất một phần là mong muốn phục vụ pháp nhân. Hành động thực tế của nhân viên không nhất thiết phải mang lại lợi ích cho pháp nhân, và ngay cả khi nhân viên chủ yếu hành động vì lợi ích cá nhân, nhưng ít nhất một trong những ý định của nhân viên là có khả năng mang lại lợi ích cho pháp nhân, thì yếu tố lợi ích của pháp nhân được đáp ứng [55]. Nguyên tắc “*respondeat superior*” sẽ không được áp dụng, trong trường hợp hành vi phạm tội chỉ duy nhất mang lại lợi ích cho nhân viên, giám đốc hoặc viên chức công ty, ví dụ như khi nhân viên nhận hối lộ mà không mang lại lợi ích cho pháp nhân.

Bên cạnh việc quy kết TNHS cho pháp nhân theo nguyên tắc “*respondeat superior*”, luật pháp Hoa Kỳ còn tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc truy cứu TNHS pháp nhân nhờ học thuyết “*kiến thức tập thể*” (*collective knowledge doctrine*) mà một án lệ quan trọng, đặt nền tảng cho học thuyết này là *United States v. Ngân hàng New England* [56]. Theo học thuyết này, công tố viên không cần chứng minh rằng một cá nhân cụ thể nào đó có đủ kiến thức để cấu thành yếu tố lỗi cố ý của tội phạm. Thay vào đó, công tố viên có thể tổng hợp kiến thức từ nhiều nhân viên khác nhau để hình thành nên “*kiến thức*” của pháp nhân về hành vi vi phạm. Điều này có thể mở rộng TNHS pháp nhân trong các trường hợp mà không một nhân viên riêng lẻ nào có thể bị truy cứu TNHS [57].

3.3. Pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những loại tội phạm nào?

Phạm vi TNHS đối với pháp nhân ở Hoa Kỳ là vô cùng rộng lớn. Pháp nhân lẫn cá nhân đều

có thể bị truy cứu TNHS về các hành vi phạm tội theo cả pháp luật Liên bang và pháp luật Tiểu bang. Theo Hướng dẫn về Kết án của Hoa Kỳ [58] danh sách các tội phạm có thể bị quy kết cho pháp nhân là rất rộng, đến mức TNHS của pháp nhân về cơ bản bao gồm tất cả các tội mà cá nhân có thể thực hiện [59]. Do đó, các pháp nhân có thể phải chịu TNHS đối với các tội như trộm cắp, hối lộ, giả mạo và thậm chí là tội cố ý hoặc vô ý làm chết người [60], ví dụ trong vụ án *State v. Ford Motor Co. (1980)* [61], hãng Ford bị truy tố về tội giết người do thiết kế bình xăng của dòng xe Pinto nguy hiểm, gây ra cái chết cho người sử dụng. Mặc dù Ford được tuyên vô tội, nhưng về mặt lý thuyết tòa án cũng không phủ nhận khả năng công ty có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giết người.

4. Hình phạt đối với pháp nhân phạm tội

Chương VIII của Hướng dẫn Tuyên án Hoa Kỳ (*United States Sentencing Guidelines Manual*) [62] dành riêng cho việc tuyên án đối với “*tổ chức*” (*organizations*) và bao gồm các hình phạt áp dụng. “*Tổ chức*” được định nghĩa là “*một pháp nhân, không phải là một cá nhân*” và bao gồm cả công ty, hiệp hội, công ty hợp danh, chính phủ và các đơn vị trực thuộc, tổ chức phi lợi nhuận.

Các hướng dẫn và tuyên bố chính sách trong Chương VIII nêu trên được áp dụng khi bị cáo bị kết án là một pháp nhân. Các pháp nhân chỉ có thể hành động thông qua các đại diện của mình và, theo LHS liên bang, nói chung pháp nhân sẽ phải chịu trách nhiệm gián tiếp đối với các hành vi phạm tội do các đại diện của mình thực hiện. Đồng thời, các đại diện cá nhân vẫn phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của chính họ. Do đó, việc truy tố liên bang đối với các pháp nhân thường bao gồm cả các bị cáo là cá nhân và pháp nhân, tức là về nguyên tắc tổ chức: TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của cá nhân.

a) Phạt tiền

Đây là hình phạt phổ biến nhất đối với pháp nhân ở Hoa Kỳ. Để đảm bảo tính nghiêm khắc và công bằng của mức phạt tiền, mức phạt dựa

trên một công thức có tính toán nghiêm ngặt.

Phạm vi tiền phạt đối với pháp nhân được dựa trên mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và mức độ lỗi của pháp nhân. Trong đó, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội thường được phản ánh bởi: lợi nhuận tiền tệ, tổn thất tiền tệ, hoặc mức tiền phạt trong bảng mức độ tội phạm theo hướng dẫn. Mức độ lỗi thường sẽ được điều chỉnh bởi các yếu tố tăng nặng và giảm nhẹ sáu yếu tố mà tòa án tuyên án phải xem xét, đó là bốn yếu tố làm tăng mức phạt là: i) sự tham gia vào hoặc dung túng cho hành vi phạm tội; ii) tiền sử vi phạm của tổ chức; iii) vi phạm một lệnh (của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền); iv) cản trở công lý. Hai yếu tố làm giảm mức phạt là: i) sự tồn tại của một chương trình tuân thủ và đạo đức hiệu quả; ii) tự giác báo cáo, hợp tác, hoặc thừa nhận trách nhiệm.

Bộ Hướng dẫn (US Sentencing Guidelines) cho phép Tòa án áp dụng một mức phạt tiền đối với pháp nhân ở mức “đủ để tước bỏ toàn bộ tài sản ròng của pháp nhân (với điều kiện không vượt quá mức tối đa theo luật định) tổ chức” nếu xác định được hành vi hoạt động của pháp nhân chủ yếu vì mục đích phạm tội hoặc bằng các phương thức phạm tội. Trong trường hợp không biết chính xác quy mô tài sản của pháp nhân, mức phạt tối đa theo luật định sẽ được áp dụng. Ngoài ra, còn có một loại tiền phạt gọi là tiền phạt cơ bản (base fine). Tiền phạt cơ bản được xác định theo một trong ba cách sau: “Theo mức tiền phạt cao nhất được ghi nhận trong bảng mức độ phạm tội được quy định trong chương VIII của Bộ hướng dẫn”; hoặc “dựa trên khoản lợi nhuận vật chất mà pháp nhân có được từ hành vi phạm tội”; hoặc “dựa trên khoản tổn thất vật chất do pháp nhân gây ra, trong phạm vi khoản tổn thất đó được gây ra một cách cố ý, có nhận thức hoặc do lơ là.” Tiền phạt cơ bản phản ánh mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và thể hiện điểm số trách nhiệm của pháp nhân bị kết án.

Về thanh toán tiền phạt, theo Bộ Hướng dẫn, nếu pháp nhân hoạt động chủ yếu với mục đích hoặc bằng phương thức phạm tội thì phải trả tiền phạt ngay lập tức. Trong các trường hợp khác pháp nhân trả tiền phạt ngay trừ khi Tòa án xác

định pháp nhân không có khả năng tài chính hoặc trả sẽ gây khó khăn quá mức. Nếu pháp nhân không phải trả ngay Tòa án có thể yêu cầu trả đúng hạn hoặc trả góp (thời gian trả góp tối đa 5 năm theo 18 U.S.C. § 3572(d)).

Tòa án sẽ giảm mức phạt nếu mức phạt chuẩn sẽ làm pháp nhân không thể bồi thường thiệt hại cho nạn nhân, hoặc pháp nhân không có khả năng trả, ngay cả khi trả góp hợp lý, miễn sao mức giảm không làm tổ chức mất khả năng hoạt động tiếp, hoặc pháp nhân không có khả năng trả nếu trả phạt sẽ đe dọa nghiêm trọng sự tồn tại của pháp nhân.

b) Quản chế

Theo Chương VIII của Bộ Hướng dẫn Tuyên án Hoa Kỳ, án phạt quản chế là một hình phạt phù hợp đối với một bị cáo là pháp nhân khi cần thiết để đảm bảo rằng một chế tài khác sẽ được thực hiện đầy đủ, như thực hiện nghĩa vụ bồi thường, hoặc sửa chữa sai phạm; giám sát pháp nhân để tránh tái phạm; thúc đẩy pháp nhân xây dựng hoặc duy trì chương trình tuân thủ pháp luật; và đảm bảo hiệu quả của hình phạt, đặc biệt khi không áp dụng phạt tiền hoặc phạt chưa được trả hết.

Tòa án có thể áp dụng hình phạt quản chế đối với pháp nhân. Tòa án sẽ ban hành lệnh quản chế nếu: i) Hình phạt đó là cần thiết để đảm bảo việc thanh toán bồi thường, thực thi lệnh khắc phục hậu quả hoặc đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ phục vụ cộng đồng; ii) Một khoản phạt tiền chưa được thanh toán tại thời điểm tuyên án và Tòa án muốn đảm bảo khoản tiền phạt đó được thanh toán; iii) Tại thời điểm tuyên án, pháp nhân đó vẫn chưa có một chương trình tuân thủ và đạo đức hiệu quả; iv) Có bằng chứng về hành vi sai trái trước đó trong vòng năm năm trước khi tuyên án; v) Nếu việc áp dụng quản chế là cần thiết để thực hiện bất kỳ mục đích nào của việc tuyên án, cùng với một số yếu tố khác.

Thời hạn của án quản chế đối với tội phạm nghiêm trọng (felony) là từ 1 năm đến không quá 5 năm. Đối với các tội khác, quản chế không quá 5 năm.

Theo 18 U.S.C. § 3563 (a) (1), trong thời hạn án quản chế pháp nhân phải đáp ứng các điều

kiện như: Không được phạm tội liên bang, tiểu bang, hay địa phương. Nếu án quản chế dành cho tội nghiêm trọng, Tòa án phải áp ít nhất một điều kiện bổ sung nhằm đảm bảo tổ chức chịu trách nhiệm và phòng ngừa vi phạm tái diễn: i) Pháp nhân phải chịu chi phí và theo hình thức Tòa án chỉ định để công khai về bản chất vi phạm, kết quả kết án, hình phạt và các bước tổ chức sẽ làm để tránh tái phạm; ii) Phát triển và trình lên Tòa án một chương trình tuân thủ pháp luật và đạo đức hiệu quả, theo §8B2.1, bao gồm kế hoạch triển khai chương trình; iii) Sau khi chương trình được Tòa án chấp thuận, tổ chức phải thông báo cho nhân viên và cổ đông về hành vi phạm tội và chương trình tuân thủ mới; iv) Pháp nhân phải gửi các báo cáo định kỳ về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh, và tiến độ thực hiện chương trình tuân thủ. Báo cáo cũng phải nêu rõ các vụ kiện, điều tra hoặc tố tụng mới phát sinh; v) Ngay khi biết các thay đổi nghiêm trọng về tình hình kinh doanh, tài chính, hoặc các vụ kiện, điều tra mới, pháp nhân phải thông báo ngay cho tòa hoặc cán bộ quản chế; vi) Cho phép cán bộ quản chế hoặc chuyên gia được Tòa án chỉ định kiểm tra sổ sách, hồ sơ tổ chức và hỏi cung các cá nhân có liên quan. Chi phí chuyên gia do tổ chức chịu; vii) Pháp nhân phải thực hiện các khoản thanh toán theo thứ tự ưu tiên: Bồi thường thiệt hại (restitution); tiền phạt (fine); các khoản tiền phạt khác.

Trong trường hợp pháp nhân chịu quản chế mà không tuân thủ các điều kiện đặt ra, Tòa án có quyền xử lý nghiêm, bao gồm gia hạn thời gian quản chế, áp đặt các điều kiện quản chế nghiêm ngặt hơn, hoặc hủy bỏ án quản chế và tái xét xử, ra án mới cho pháp nhân tái xét xử hoặc tăng cường kiểm soát bằng cách bổ nhiệm người quản lý đặc biệt.

c) Giải thể hoặc đình chỉ một phần hoạt động của pháp nhân

Đối với các trường hợp phạm tội nghiêm trọng (felony) hoặc tái phạm, Tòa án có thể ra lệnh giải thể pháp nhân hoặc đình chỉ một phần hoạt động pháp nhân. Các điều khoản về đình chỉ nhằm giới hạn hoạt động trong những lĩnh vực mà pháp nhân đã phạm tội. Mục đích của hình phạt này là nhằm bảo vệ xã hội bằng cách loại bỏ

hoặc kiểm soát những pháp nhân có nguy cơ cao gây hại.

d) Tước bỏ lợi ích bất hợp pháp

Theo Điều 8C2.9 Bộ Hướng dẫn, biện pháp này được áp dụng bổ sung ngoài tiền phạt. Quy định này nhằm đảm bảo rằng pháp nhân bị tước bỏ bất kỳ khoản lợi ích nào mà pháp nhân có được từ hành vi phạm tội, nhưng chưa hoặc sẽ không được thu hồi dưới hình thức bồi thường hoặc các biện pháp khắc phục khác. Điều khoản này sẽ áp dụng trong các trường hợp pháp nhân thu lợi từ hành vi phạm tội nhưng không yêu cầu bồi thường hoặc khắc phục hậu quả vì hành vi phạm tội không gây ra thiệt hại cho các nạn nhân có thể nhận dạng được. Việc tước bỏ lợi nhuận thu được từ tội phạm là hoàn toàn hợp lý để ngăn pháp nhân tiếp tục hưởng lợi từ hành vi phạm tội.

Trong trường hợp pháp nhân bỏ ra những khoản chi phí nhất định để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của pháp nhân gây ra được coi là đã trả lại khoản lợi ích bất hợp pháp. Nếu các khoản chi phí khắc phục bằng hoặc lớn hơn khoản lợi ích bất hợp pháp thu được thì biện pháp “Tước bỏ lợi ích bất hợp pháp” sẽ không được áp dụng.

5. Kết luận

Nghiên cứu vấn đề THNS của pháp nhân trong LHS Hoa Kỳ có thể rút ra một số kết luận sau:

Thứ nhất, trước thế kỷ XIX, cũng như các nước châu Âu lục địa, ở Hoa Kỳ quan niệm phổ biến là các pháp nhân không thể bị xử lý theo LHS. Các nhà tư tưởng pháp lý thời kỳ này tiếp cận vấn đề TNHS của pháp nhân với sự tập trung quá mức vào các học thuyết về nhân cách pháp nhân (legal personality). Lập luận chính của họ là: pháp nhân chỉ là một hư cấu pháp lý (legal fiction), không có thể xác và linh hồn, nên không thể hình thành ý chí phạm tội (mens rea) cũng như không thể hành động nhân danh chính mình (in propria persona). Nhưng vào thế kỷ XIX, ở một số tiểu bang, TNHS của pháp nhân đã được xác lập thông qua án lệ.

Thứ hai, trong hệ thống liên bang, giai đoạn

hình thành học thuyết về TNHS của pháp nhân là vào đầu thế kỷ XX, với phán quyết trong vụ án nổi tiếng *New York Central* năm 1909. Với vụ án này, Tòa án Tối cao đã đặt nền móng cho học thuyết “respondeat superior” trong xử lý các vụ án hình sự đối với pháp nhân. Ngày nay, nhìn chung các Tòa án liên bang đều tuân theo án lệ này. Trong khi đó theo Điều 75 BLHS năm 2015 của Việt Nam, đề quy kết TNHS đối với pháp nhân, học thuyết đồng nhất hóa (identification doctrine) được áp dụng.

Thứ ba, chủ thể chịu TNHS của pháp nhân là rất đa dạng, có thể là các pháp nhân theo luật tư hoặc pháp nhân theo luật công (theo cách phân loại của các hệ thống pháp luật châu Âu lục địa) hoặc là các tổ chức không có tư cách pháp nhân. Còn theo Điều 2 BLHS năm 2015 của Việt Nam, TNHS chỉ áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội.

Thứ tư, pháp nhân bị quy kết TNHS trong trường hợp bất cứ cá nhân nào của pháp nhân (người quản lý cấp cao hoặc nhân viên cấp dưới) thực hiện hành vi phạm tội trong phạm vi thẩm quyền hoặc phạm vi công việc với mục đích, ít nhất là một phần, để mang lại lợi ích cho pháp nhân. Trong khi đó, Điều 75 BLHS năm 2015 của Việt Nam quy định TNHS đối với pháp nhân chỉ đặt ra khi hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại, vì lợi ích của pháp nhân thương mại, có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại, chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định.

Thứ năm, LHS Hoa Kỳ không quy định giới hạn các tội phạm cụ thể mà cá nhân thực hiện bị quy kết cho pháp nhân. TNHS của pháp nhân về cơ bản được mở rộng đến hầu hết các tội phạm mà cá nhân có thể thực hiện. Trong khi đó Điều 76 BLHS năm 2015 của Việt Nam chỉ quy định pháp nhân thương mại chỉ phải chịu TNHS về các tội phạm quy định tại 33 điều luật về tội phạm cụ thể, trong đó tuyệt đại đa số là các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về môi trường và một số tội xâm phạm an toàn công cộng.

Thứ sáu, các hình phạt áp dụng đối với pháp

nhân là đa dạng, nhưng chủ yếu là: phạt tiền, quản chế, giải thể hoặc đình chỉ một phần hoạt động của pháp nhân, tước bỏ lợi ích bất hợp pháp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới.
- [2] Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.
- [3] Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.
- [4] Joseph Stancliffe Davis, *Essays in the Earlier History of American Corporations*, Essay 1, ch. 3, at 49, 75 (1917), <https://archive.org/details/essaysinearlierh02davi>.
- [5] James R. Elkins, *Corporations and the Criminal Law: An Uneasy Alliance*, 65 Ky. L. J. 73 (1976).
- [6] A. Chayes, *The Modern Corporation and the Rule of Law*, in *The Corporation in Modern Society* 25, 37 (Edward S. Mason ed., 1960).
- [7] C. John. Jr. Coffee, *Corporate Criminal Responsibility*, in 1 *Encyclopedia of Crime and Justice* 253 (Sanford H. Kadish ed., 1983); L.H. Leigh, *The Criminal Liability of Corporations in English Law* 3-12 (1969); 1 William Blackstone, *Commentaries on the Laws of England* 464 (Oxford ed. 1765).
- [8] *State v. Dover*, 9 N. H. 468 (1838); *People v. Albany*, 11 Wend. 539 (N.Y. 1834).
- [9] *People v. Corporation*, 11 Wend. 539 (N. Y. Sup. Ct. 1834); *Susquehanna & Bath Turnpike Co. v. People*, 15 Wend. 267, 268 (N. Y. 1836); *State v. Morris Canal & Banking Co.*, 22 N.J.L. 537 (1850); *Commonwealth v. Hancock Free Bridge Corp.*, 68 Mass. (2 Gray) 58 (1854); *State v. Corporation of Shelbyville*, 36 Tenn. (4 Sneed) 176 (1856); *State v. Cincinnati Fertilizer Co.*, 24 Ohio St. 611 (1874).
- [10] *The General Turnpike Road Acts, With Notes, Forms, &c: Bateman, Joseph, 1797-1863: Free Download, Borrow, and Streaming: Internet Archive.*
- [11] *United States v. Great Falls Manufacturing Company*, 112 U.S. 645 (1884).
- [12] *State v. Morris & Essex Railroad*, 23 N. J. L. 360 (1856), available at CourtListener,

- <https://www.courtlistener.com/opinion/8097321/state-v-morris-essex-railroad>.
- [13] Commonwealth v. Proprietors of New Bedford Bridge, 68 Mass. (2 Gray) 339 (1854).
- [14] United States v. John Kelso Co., 86 F. 304 (N. D. Cal. 1898).
- [15] Telegram Newspaper Co. v. Commonwealth, 52 N. E. 445, 172 Mass. 294 (Mass. 1899).
- [16] Tòa án tối cao trong vụ án Lake Shore & Michigan Southern Ry. Co. v. Prentice đã khẳng định: “Một pháp nhân (công ty, tập đoàn) chắc chắn phải chịu trách nhiệm, giống như một cá nhân, về việc bồi thường cho bất kỳ hành vi sai trái (tort) nào do người đại diện (agent) thực hiện trong phạm vi công việc của họ.”- LAKE SHORE & M. S. R. CO. v. PRENTICE, 147 U.S. 101 (1893), FindLaw.
- [17] 212 U.S. 481, 494-95 (1909)- New York Central & Hudson River R. Co. v. United States | 212 U.S. 500 (1909) | Justia U.S. Supreme Court Center.
- [18] Kathleen F. Brickey, Corporate and White Collar Crime: Cases and Materials I (3d ed. 2002) (opening discussion of corporate criminal liability with reproduction and analysis of New York Central); Jerold H. Israel et al., White Collar Crime: Law and Practice 43 (2d ed. 2003) (same); Julie R. O’Sullivan, Federal White Collar Crime: Cases and Materials 162 (3d ed. 2007) (same).
- [19] Sherman Antitrust Act of 1890, ch. 647, 26 Stat. 209 (Codified as Amended at 15 U.S.C. § 1-7, 2004).
- [20] Elkins Act, ch. 708, 32 Stat. 847 (1903).
- [21] Securities Exchange Act of 1934, ch. 404, 48 Stat. 881 (codified as amended at 15 U.S.C. § 78a et seq.).
- [22] Federal Food, Drug, and Cosmetic Act, 21 U.S.C. ch. 9 (2018).
- [23] Interstate Commerce Act, 49 U.S.C. pp. 11907 (2000).
- [24] 18 U.S.C. §§ 1341 - 1351 (2018) (Chapter 63: Mail Fraud and Other Fraud Offenses).
- [25] U. S. Dep’t of Justice, Justice Manual § 9-110.000, Organized Crime and Racketeering (2023), <https://www.justice.gov/jm/jm-9-11000-organized-crime-and-racketeering>.
- [26] Francis Bowes Sayre, Public Welfare Offenses, 33 Colum. L. Rev. 55-59 (1933); L. H. Leigh, The Criminal Liability of Corporations in English Law 21-22, 1969.
- [27] Theo khoản 2 Điều 2.07 Bộ luật Mẫu, “khi trách nhiệm tuyệt đối (absolute liability) được áp đặt đối với việc phạm tội, thì mặc nhiên được coi là có mục đích lập pháp nhằm áp dụng trách nhiệm cho pháp nhân, trừ khi có quy định rõ ràng ngược lại”, xem Model Penal Code § 2.07(2), Available at Penn Law (ALI MPC) website, <https://www.law.upenn.edu/faculty/paul-robinson/clrgcodes/MPC.html>.
- [28] Model Penal Code (MPC), Wex, Legal Information Institute; Kathleen F. Brickey, Rethinking Corporate Liability under the Model Penal Code, 19 Rutgers L.J. 593 (1988).
- [29] Model Penal Code § 2.07, available at Penn Law (ALI MPC), <https://www.law.upenn.edu/faculty/paul-robinson/clrgcodes/MPC.html>.
- [30] Yuhao Li, The Case Analysis of the Scandal of Enron, 5 Int’l J. Bus. & Mgmt. 37 (Oct. 2010).
- [31] John F. Fatino, Corporate Compliance Programs: An Approach to Avoid or Minimize Criminal and Civil Liability, 54 Drake L. Rev. 81 (2002); William S. Laufer, Corporate Prosecution, Cooperation, and the Trading of Favors, 81 Iowa L. Rev. 612 (2002).
- [32] Clinton v. City of New York, 524 U.S. 417, 428 n.13 (1998).
- [33] 1 U. S. C, Words denoting number, gender, and so forth, § 1, 2000.
- [34] United States v. A & P Trucking Co., 358 U.S. 121, 123 (1958); W. Laundry & Linen Rental Co. v. United States, 424 F.2d 441, 443 (9th Cir. 1970).
- [35] 18 U.S.C. § 1961 (2000), Available at Cornell LII, <https://www.law.cornell.edu/uscode/text/18/1961>.
- [36] 26 U.S.C. § 7701(a)(1) - (3) (2011).
- [37] 18 U.S.C. Ch. 95, Part I: Racketeering (Covering §§ 1951-1960).
- [38] 42 U.S.C. § 6903, 2010, Definitions.
- [39] U.S. Sentencing Guidelines Manual, 18 U.S.C.S. App. § 8A1.1 (2005) (applicable to organizations) (See Also U.S. Sentencing Commission, Guidelines Manual, Effective Nov. 1, 2014).
- [40] Bộ luật Hình sự Mẫu là một dự án của Viện Luật Hoa Kỳ và được công bố vào năm 1962, nhằm khuyến khích và hỗ trợ các cơ quan lập pháp tiểu bang ở Hoa Kỳ cập nhật và chuẩn hóa luật hình sự của quốc gia này.
- [41] Khoản 4 (a) Điều 2.07 Bộ luật mẫu quy định: “pháp nhân” không bao gồm thực thể được tổ chức dưới dạng hoặc bởi một cơ quan chính phủ để thực hiện một chương trình của chính phủ, <https://www.law.upenn.edu/faculty/paul-robinson/clrgcodes/MPC.html>.
- [42] E. M. Wise, Criminal Liability of Corporations - U.S., in La Criminalisation du Comportement Collectif: Criminal Liability of Corporations 394 (H. de Doelder & Klaus Tiedemann eds., Kluwer Law Int’l 1996).

- [43] *United States v. Armour & Co.*, 402 U.S. 673 (1971).
- [44] Emergency Price Control Act of 1942, ch. 26, 56 Stat. 23 (Codified as Amended in Scattered Sections of 50 U.S.C. app.); Stabilization Act of 1942, ch. 578, 56 Stat. 765, as amended by Stabilization Extension Act of 1944, ch. 377, 58 Stat. 632.
- [45] *C. I. T. Corp. v. United States*, 150 F.2d 85 (9th Cir. 1945).
- [46] *United States v. Steiner Plastics Mfg. Co.*, 231 F.2d 149 (2d Cir. 1956).
- [47] *United States v. Steiner Plastics Mfg. Co.*, 231 F.2d 149 (2d Cir. 1956).
- [48] *St. Johnsbury Trucking Co. v. United States*, 220 F.2d 393 (1st Cir. 1955).
- [49] *C. I. T. Corp. v. United States*, 150 F.2d 85 (9th Cir. 1945).
- [50] *Telegram Newspaper Co. v. Commonwealth*, 172 Mass. 294 (1898).
- [51] *United States v. Bi-Co Pavers, Inc.*, 741 F.2d 730, 737 (5th Cir. 1984).
- [52] *Hamm v. United States*, 483 F.3d 135, 138 (2d Cir. 2007).
- [53] *United States v. Cincotta*, 689 F.2d 238 (1st Cir. 1982).
- [54] *United States v. Agosto-Vega*, 617 F.3d 541, pp. 552-53 (1st Cir. 2010).
- [55] *Standard Oil Co. of Texas v. United States*, 307 F.2d 120, pp. 128-129 (5th Cir. 1962).
- [56] *United States v. Bank of New Eng.*, 820 F.2d 844, 847 (1st Cir. 1987).
- [57] *United States v. Philip Morris USA, Inc.*, 566 F.3d 1095, 1118 (D.C. Cir. 2009) (citing *N.Y. Cent. & Hudson River R.R. Co. v. United States*, 212 U.S. 481, 495 (1909), and *United States v. A & P Trucking Co.*, 358 U.S. 121, 125 (1958); See Also *United States v. LaGrou Distrib. Sys.*, 466 F.3d 585, 591 (7th Cir. 2006)).
- [58] <https://www.ussc.gov/guidelines/2024-guidelines-manual-annotated>.
- [59] S. S. Beale, A Response to the Critics of Corporate Criminal Liability, 46 *Am. Crim. L. Rev.* 1481, 1504 et seq. 2007.
- [60] E. B. Diskant, Comparative Corporate Criminal Liability: Exploring the Uniquely American Doctrine through Comparative Criminal Procedure, 118 *Yale L.J.* 1 (2008), available at HeinOnline; Kathleen F. Brickey, *Corporate Criminal Liability* 64 (2d ed. 1992).
- [61] Richard A. Epstein, Is Pinto a Criminal?, 4 *Regent U. L. Rev.* 1 (1980), Available at <https://heinonline.org/HOL/LandingPage?handle=hein.journals/rcatorbg4&div=17&id=&page=>.
- [62] 2024 Guidelines Manual Annotated | United States Sentencing Commission.